

BỘ THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/2007/QĐ-BTM

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu S của Việt Nam cho hàng hóa để hưởng các ưu đãi thuế quan theo Hiệp định về Hợp tác Kinh tế, Văn hóa, Khoa học Kỹ thuật giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ban hành kèm theo Quyết định số 0865/2004/QĐ-BTM ngày 29 tháng 6 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại

BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

Căn cứ Nghị định số 29/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thương mại;

Căn cứ Bản thỏa thuận ký ngày 28 tháng 7 năm 2005 giữa Bộ Thương mại CHXHCN Việt Nam và Bộ Thương mại CHDCND Lào về các mặt hàng được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Việt - Lào;

Căn cứ Bản thỏa thuận ký ngày 19 tháng 12 năm 2006 giữa Bộ Thương mại CHXHCN Việt Nam và Bộ Công thương CHDCND Lào về việc điều chỉnh và bổ sung Bản thỏa thuận giữa Bộ Thương

mại CHXHCN Việt Nam và Bộ Công thương CHDCND Lào về các mặt hàng được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Việt - Lào;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Xuất Nhập khẩu và Vụ trưởng Vụ Châu Á - Thái Bình Dương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung mục (d) Quy tắc 4 “Các sản phẩm không thuần túy” của Phụ lục 1 Quy chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu S của Việt Nam cho hàng hóa để hưởng các ưu đãi thuế quan theo Hiệp định về Hợp tác Kinh tế, Văn hóa,

Khoa học Kỹ thuật giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHDCND Lào ban hành kèm theo Quyết định số 0865/2004/QĐ-BTM ngày 29 tháng 6 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại như sau:

(d) Trong phạm vi của quy tắc 2 (b), các mặt hàng và số lượng cụ thể thuộc Phụ lục 3 “Danh mục và định lượng hàng hóa Lào được tạm thời điều chỉnh tỷ trọng hàng hóa có xuất xứ CHDCND Lào theo Quy tắc 4 của Phụ lục số 1 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 0865/2004/QĐ-BTM ngày 18/6/2004 của Bộ Thương mại Việt Nam. Thời hạn hiệu lực đến 31/12/2010” kèm theo Bản thỏa thuận ký ngày 19 tháng 12 năm 2006 giữa Bộ Thương mại CHXHCN Việt Nam và Bộ Công thương CHDCND Lào về việc điều chỉnh và bổ sung Bản thỏa thuận giữa Bộ Thương mại CHXHCN

Việt Nam và Bộ Công thương CHDCND Lào về các mặt hàng được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Việt - Lào (đính kèm) sẽ được xem là có xuất xứ từ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào nếu:

(i) Không dưới 30% của hàm lượng sản phẩm có xuất xứ từ bất kỳ một Bên nào; hoặc

(ii) Nếu tổng giá trị của các nguyên vật liệu, một phần hoặc cả sản phẩm có xuất xứ từ bên ngoài lãnh thổ của một bên không vượt quá 70% giá trị của sản phẩm tính theo giá FOB được sản xuất hoặc có được với điều kiện là quy trình cuối cùng trong quá trình sản xuất được thực hiện trong phạm vi lãnh thổ của Bên đó.

(iii) Trong phạm vi của Hiệp định này, các tiêu chuẩn xuất xứ được nêu trong Quy tắc 4 (d) (ii) sẽ được đề cập đến như là “hàm lượng Việt - Lào”. Công thức 30% hàm lượng Việt - Lào sẽ được tính toán như sau:

Giá trị của các nguyên vật liệu + Giá trị của các linh kiện có xuất xứ
không thuộc Việt - Lào không xác định được

*100% = <70%

Giá FOB

Do đó, hàm lượng Việt - Lào = 100% - các nguyên liệu không thuộc Việt Nam và Lào
= ít nhất 30%

Điều 2. Sửa đổi Điều 1 “Hướng dẫn kê khai chứng nhận mẫu S”, Phụ lục 3 “Hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu S để hưởng ưu đãi theo Hiệp định Việt - Lào” như sau:

- Ô số 4: Ghi thuế suất nhập khẩu của nước nhập khẩu (Lào) vào ô số 4 của Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu S theo mẫu sau:

“ Tariff rate: ...%”

Sau khi nhập khẩu hàng hóa, cơ quan hải quan tại cảng hoặc địa điểm nhập khẩu sẽ đánh dấu thích hợp trước khi gửi lại cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận xuất xứ đã cấp Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu S này.

Điều 3.

1. Quyết định này thay thế Quyết định số 2368/2005/QĐ-BTM ngày 16 tháng 9 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương

mại về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu S của Việt Nam cho hàng hóa để hưởng các ưu đãi thuế quan theo Hiệp định về Hợp tác Kinh tế, Văn hóa, Khoa học Kỹ thuật giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHDCND Lào.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Vụ trưởng Vụ Xuất Nhập khẩu, Vụ trưởng Vụ Châu Á - Thái Bình Dương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thương mại, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phan Thế Ruệ

Phụ lục 3

DANH MỤC VÀ ĐỊNH LƯỢNG HÀNG HÓA LÀO ĐƯỢC TẠM THỜI
 ĐIỀU CHỈNH TỶ TRỌNG HÀNG HÓA CÓ XUẤT XỨ CHDCND LÀO
 THEO QUY TẮC 4 CỦA PHỤ LỤC SỐ 1 CỦA QUY CHẾ BAN HÀNH
 KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 0865/QĐ-BTM NGÀY 18/06/2004
 CỦA BỘ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM.
 THỜI HẠN HIỆU LỰC ĐẾN 31/12/2010

| Số TT | Tên hàng | Mã số HS | Đơn vị | Định lượng 2007 |
|-------|--------------------------------------|---|--------|--|
| 1 | Cần số xe máy | 6 phụ kiện này có mã số thuế 8714-19-60 | USD | Tổng trị giá các mặt hàng có số thứ tự từ 1 đến 6 là 600.000 USD (theo giá giao tại xưởng) |
| 2 | Chân chống đứng | | | |
| 3 | Chân chống nghiêng | | | |
| 4 | Trục đỡ chân giữa | | | |
| 5 | Ống sắt pedal để chân người ngồi sau | | | |
| 6 | Cần đạp phanh chân | | | |
| 7 | Chăn | 6301-90-10 | cái | 130.000 |
| 8 | Quạt điện các loại | 8414-51 | cái | 150.000 |
| 9 | Máy xay sinh tố | 8509-40-00 | cái | 80.000 |
| 10 | Phích đun nước nóng dùng điện | 8516-10-10 | cái | 20.000 |
| 11 | Máy sấy tóc | 8516-31-00 | cái | 40.000 |
| 12 | Bàn là điện | 8516-40 | cái | 40.000 |
| 13 | Nồi cơm điện | 8516-60-10 | cái | 400.000 |
| 14 | Lò nướng | 8516-60-20 | cái | 40.000 |
| 15 | Nồi lẩu điện | 8516-60-90 | | 50.000 |
| 16 | Ấm điện | 8516-79-10 | cái | 40.000 |
| 17 | Vợt bắt muỗi | 8535-90-90 | cái | 10.000 |